

- Tại sao 2 rổ thì 24 quả? (12 quả được lấy 2 lần  $\rightarrow 12 \times 2 = 24 \rightarrow$  Nói cách nhân.)
- HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm đôi.
  - Khi sửa bài, HS **giải thích** tại sao chọn phép nhân và nói cách nhân.

#### Bài 2:

- HS **đọc** yêu cầu và **tìm hiểu** bài rồi **thực hiện**.
- Trước khi tính, **xác định** phép nhân có nhớ hay không nhớ.
- HS **làm** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm bốn.
- Khi sửa bài, HS **nói** cách nhân.

#### Bài 3:

- HS **đọc** yêu cầu, **tìm hiểu** bài, **nhận biết** việc phải làm rồi **thực hiện**.
- Sửa bài có thể dùng hình thức trò chơi.
- HS **nhắc lại** thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức.

#### Thử thách

HS nhóm đôi **tìm hiểu**, **nhận biết** phép tính  $12 \times 5 - 3$ .

### CỦNG CỐ

GV lưu ý HS, sau khi đặt phép tính, trước khi tính, luôn để ý xem đây có là phép tính có nhớ không. Nếu có nhớ thì có thể đưa ngón tay trỏ.

## PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ (2 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư dưới dạng thuật toán (tính dọc).
- Thực hiện được việc nhẩm thương.
- Vận dụng giải toán.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

### B. Thiết bị dạy học

GV: ĐDDH cho phần bài học.

HS: ĐDHT cho phần bài học.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞ ĐỘNG

HS đọc nội dung trao đổi giữa hai bạn nhỏ, hình thành phép chia  $10 : 2 = 5$ .

## BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

### 1. Giới thiệu *Phép chia hết, Phép chia có dư*

#### a) *Phép chia hết*

- GV giới thiệu cách đặt tính rồi tính (GV hướng dẫn trên bảng lớp, HS làm theo trên bảng con).

- Đặt tính:

$$\begin{array}{r} \phantom{10} | \phantom{2} \\ \phantom{10} | \phantom{2} \\ 10 | 2 \\ \phantom{10} | \phantom{2} \end{array}$$

GV hướng dẫn HS **chỉ tay** vào ba vị trí và **nói**: “Số bị chia, số chia, thương”.

**Viết** số bị chia (10), số chia (2) vào đúng vị trí.

- Tính:

$$\begin{array}{r} 10 | 2 \\ \underline{10} | 5 \\ 0 \end{array}$$

10 chia 2 được 5, viết 5

5 nhân 2 bằng 10 (viết 10), 10 trừ 10 bằng 0.

$$10 : 2 = 5$$

Lấy 10 viên bi chia cho mỗi bạn 2 viên bi. Có 5 bạn được chia. Không còn dư viên nào. Ta nói  $10 : 2 = 5$  là *phép chia hết*.

- HS **thực hành** (bảng con) hai phép chia (vừa **tính** vừa **nói** cách tính).

$$15 : 5 = ?$$

$$\begin{array}{r} 15 | 5 \\ \underline{15} | 3 \\ 0 \end{array}$$

$$20 : 4 = ?$$

$$\begin{array}{r} 20 | 4 \\ \underline{20} | 5 \\ 0 \end{array}$$

#### b) *Phép chia có dư*

- GV nêu bài toán: “Có 11 viên bi, ...” (SGK trang 53).

HS (nhóm bốn) sử dụng ĐDDH **giải quyết** vấn đề.

11 viên bi, chia cho mỗi bạn 2 viên bi. Có 5 bạn được chia, còn dư 1 viên bi.

- GV sử dụng ĐDDH thực hành như SGK.

- GV hướng dẫn HS **đặt tính** rồi **tính**.

$$\begin{array}{r} 11 | 5 \\ \underline{10} | 2 \\ 1 \end{array}$$

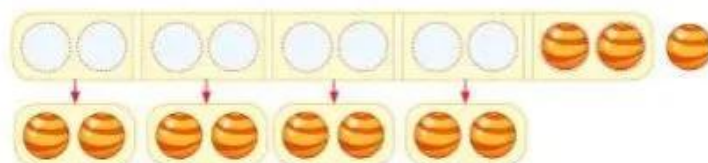
11 chia 2 được 5, viết 5

5 nhân 2 bằng 10, 11 trừ 10 bằng 1.

$$11 : 2 = 5 \text{ (dư 1)}$$

GV giới thiệu *Phép chia có dư* và tên gọi các thành phần của phép chia có dư: Số bị chia, Số chia, Thương, Số dư.

- GV có thể sử dụng ĐDDH chuyển tải mục *Chú ý*: Số dư luôn bé hơn số chia như sau:



Sau khi chia cho 4 bạn:

GV: Chia tới đây, dừng lại được không?

HS: Không được! Vì còn 3 viên bi, vẫn chia được cho một bạn nữa.

GV: Trong phép chia có dư, *số dư luôn bé hơn số chia.*

## 2. Thực hành

**Bài 1: Tìm hiểu mẫu.**

**Quan sát hình ảnh, nhận biết:**

• Có tất cả 23 hình tròn chia đều cho các nhóm, mỗi nhóm 4 hình tròn. Có 5 nhóm được chia, còn dư 3 hình tròn.

• **Viết phép chia và nói các thao tác chia.**

$$\begin{array}{r} 23 \quad | \quad 4 \\ \underline{20} \quad | \quad 5 \\ 3 \end{array}$$

23 chia 4 được 5, viết 5.

5 nhân 4 bằng 20, 23 trừ 20 bằng 3.

$23 : 4 = 5$  (dư 3)

– HS **thực hiện** (nhóm đôi), **trình bày** nhận biết và nói các thao tác chia.

GV hướng dẫn cách tìm thương trong ví dụ trên:

Nhẩm  $5 \times 1, 5 \times 2, 5 \times 3, 5 \times 4$  đều bé hơn 23;

$5 \times 5 = 25, 25 > 23$ . Vậy chọn thương là 4.

## LUYỆN TẬP

**Bài 1 và Bài 2:**

– HS đọc yêu cầu.

– HS **làm** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm đôi.

– Sửa bài, HS **nói** các thao tác chia.

**Bài 3:**

– **Tìm hiểu mẫu, nhận biết** bài toán: Có 19 cái bánh xếp vào các hộp, mỗi hộp 2 cái bánh. Hỏi có mấy hộp và còn dư mấy cái bánh?

– HS **thực hiện** (nhóm đôi).

– Sửa bài, khuyến khích các em **nêu** bài toán.

## Vui học

– Cách chia này không công bằng do không phải chia đều: Số kẹo là 5, 5, 8.

– Nguyên nhân sai lầm: Số dư bằng số chia.

– HS thực hiện phép chia đúng.

## Thử thách

HS nhóm bốn **tìm hiểu, nhận biết:**

Các con bọ rùa màu vàng đậu trên các chiếc lá có số chia hết cho 3.

Các con bọ rùa màu đỏ đậu trên các chiếc lá có số chia hết cho 4.

Tìm chiếc lá có số chia hết cho cả 3 và 4 (số 24).

## CÙNG CỐ

35 : 4 HS **thực hiện** trên bảng con.

HS **trình bày** cách nhẩm thương và **nói** các thao tác chia.

# CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (2 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết cơ sở lí luận của biện pháp tính qua mô hình trực quan.
- Thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (hai lượt chia).
- Thực hiện tính nhẩm:
  - Nhân, chia số tròn chục cho số có một chữ số.
  - Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (mỗi lượt chia đều là phép chia hết).
- Thực hiện việc tìm thành phần chưa biết trong phép chia.
- Tính và so sánh các số đo độ dài với 1 m.
- Bước đầu làm quen với việc thử kết quả trong phép chia.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** trách nhiệm, chăm chỉ.

## B. Thiết bị dạy học

GV: ĐDDH cho phần bài học.

HS: ĐDHT cho phần bài học.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

GV: Chia đều 36 hình mặt cười cho 3 bạn thì làm thế nào?

HS: Chia lần lượt mỗi bạn 1 hình, chia tiếp mỗi bạn 1 hình nữa, ...

GV: Cách làm này cần có đồ vật để chia và tốn thời gian. Hãy tìm cách chia đơn giản hơn.

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số

##### **36 : 3 = ?**

- HS (nhóm bốn) **nhận biết** nhiệm vụ rồi thảo luận.
- Dùng ĐDHT **thể hiện** số 36 (3 thanh chục và 6 khối lập phương lẻ) rồi **thực hiện**.
  - 3 chục : 3 = 1 chục
  - 6 đơn vị : 3 = 2 đơn vị
- 1 chục và 2 đơn vị làm thành số 12
- $36 : 3 = 12$
- Một vài nhóm **trình bày**.
- GV tổng kết rồi hướng dẫn HS đặt tính rồi tính (GV viết và nói, HS làm theo trên bảng con).